Số: 1938/BHXH-CĐBHYT
Thời gian ký: 09/11/2026 16:30:07 +07:00

Phụ lục II:
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẦN KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số /BHXH-CĐBHYT ngày tháng năm 2026 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Đồng Nai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã cha	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sơ KCB	Số Hồ sơ	Số tiền BHTT
1	70001	70001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	146	14.067.675
2	70003	70003	Trung tâm y tế khu vực Bù Đăng	1	12.360
3	70006	70006	Trung tâm y tế khu vực Lộc Ninh	18	829.080
4	70008	70209	Trung tâm Y tế thị xã Chơn Thành	2	36.500
5	70009	70009	Trung tâm y tế thành phố Đồng Xoài	13	189.540
6	70071	70071	Trung tâm Y tế thị xã Bình Long	13	1.866.360
7	70079	70079	Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Phước	1	1.279.500
8	70081	70081	Phòng khám đa khoa Tâm Đức	28	84.240
9	70083	70083	Bệnh viện đa khoa Phúc An	1	1.373.010
10	70902	70902	Phòng khám đa khoa Tâm Việt Phước Bình	1	84.240
11	70905	70905	Phòng khám đa khoa Long Thịnh	1	100.035
12	70907	70907	Phòng khám đa khoa An Phú	11	989.820
13	70910	70910	Phòng khám đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	1	84.240
14	70912	70912	Phòng Khám Đa Khoa Khải Nguyên	1	84.240
15	70913	70913	Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Minh Lập	3	294.840
16	75001	75001	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Đồng Nai	53	9.802.320
17	75002	75002	Bệnh Viện Đa Khoa Thống Nhất	96	10.123.860
18	75003	75003	Trung tâm y tế khu vực Biên Hòa	7	610.740
19	75008	75008	Bệnh Viện Đa Khoa KV Long Thành	39	2.517.480
20	75009	75009	Bệnh Viện Đa Khoa KV Long Khánh	24	2.182.395
21	75011	75011	Bệnh Viện Đa Khoa KV Định Quán	32	4.305.960
22	75012	75012	Trung tâm y tế khu vực Trảng Bom	20	1.763.775
23	75013	75013	Trung tâm y tế khu vực Xuân Lộc	6	656.940
24	75013	75212	Điểm y tế Xuân Hiệp thuộc Trạm y tế phường Xuân Lộc	1	183.805

STT	Mã cha	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sơ KCB	Số Hồ sơ	Số tiền BHTT
25	75014	75014	Trung tâm y tế khu vực Tân Phú	1	84.240
26	75015	75015	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Cửu	3	105.300
27	75020	75020	Trung tâm y tế khu vực Nhơn Trạch	23	273.780
28	75021	75021	Bệnh Viện Quân Y 7 B	6	2.825.280
29	75022	75022	Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai	6	877.440
30	75026	75026	Trung tâm y tế khu vực Thống Nhất	8	469.680
31	75030	75030	Bệnh Viện Công Ty Cao Su	1	784.485
32	75096	75092	Trạm Y tế Xuân Mỹ	3	54.920
33	75096	75093	Trạm Y tế xã Xuân Đường	39	290.380
34	75096	75096	Trung tâm y tế khu vực Cẩm Mỹ	3	4.334.385
35	75096	75163	Trạm y tế xã Bảo Bình	1	293.264
36	75096	75243	Trạm y tế Nhân Nghĩa	9	733.590
37	75250	75250	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Long Bình	12	1.221.480
38	75252	75252	Phòng Khám Đa Khoa ái Nghĩa Đồng Khởi	4	358.020
39	75254	75254	Phòng Khám Đa Khoa Dân Y	2	189.540
40	75263	75263	Bệnh viện Hoàn Mỹ Đồng Nai Thuộc Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Hoàn Mỹ Đồng Nai	33	2.819.190
41	75266	75266	Bệnh viện Thuận Mỹ ITO Đồng Nai thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Thuận Mỹ ITO Đồng Nai	66	4.638.090
42	75267	75267	Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn	5	484.380
43	75272	75272	Phòng Khám Đa Khoa Tín Đức	2	205.335
44	75276	75276	Phòng khám đa khoa Quốc tế Long Bình - Chi nhánh Trảng Bom	24	2.163.915
45	75279	75279	Phòng khám đa khoa Ái Nghĩa Biên Hòa	41	3.532.815
46	75281	75281	Phòng khám đa khoa Ái Nghĩa Long Khánh	5	442.260
47	75282	75282	Phòng khám đa khoa Sài Gòn Long Khánh	4	358.020

STT	Mã cha	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sơ KCB	Số Hồ sơ	Số tiền BHTT
48	75286	75286	Phòng khám đa khoa Quốc tế Long Bình - Chi nhánh C11	12	1.137.240
49	75291	75291	Phòng khám đa khoa Sài Gòn Tâm Trí	14	1.263.600
50	75294	75294	Bệnh viện Đại học Y Dược Shing Mark	24	2.548.560
51	75298	75298	Phòng khám đa khoa Việt Hương	1	84.240
52	75407	75407	Phòng Khám Đa Khoa Lê Thành	2	210.600
53	75411	75411	Phòng khám đa khoa Y Dược Miền Đông Sài Gòn	16	1.432.080
54	75421	75421	Bệnh Viện Đồng Nai -2	30	3.422.460
55	75445	75445	Phòng Khám Đa Khoa Ái Nghĩa Ngã Tư Vũng Tàu	13	1.153.035
56	75452	75452	Phòng Khám Đa Khoa Y Dược Sài Gòn Medical	2	189.540
57	75476	75476	Công Ty Tnhh PKĐK DVYT Tam Phước- Chi Nhánh Long Khánh	6	526.500
58	97818	97818	Bệnh viện Quân dân y 16	5	311.040
Tổng cộng				**945**	**93.341.639**